

LECTIO DIVINA

Dictionnaire de Spiritualité, IX pp. 470-510

(LECTIO DIVINA, trích trong "Tự điển Đời sống thiêng liêng", mục IX, các trang 470-510)

Với Kinh Nguyên Phụng Vụ, hát thánh vịnh và lao động, Lectio divina là một trong những phương thế có tính đặc thù nhất của truyền thống đan tu trong việc tìm kiếm Thiên Chúa. Tuy nhiên, ta không thể gán cho Lectio divina là cái gì riêng tư của các đan sĩ: phải chăng tất cả mọi ki-tô hữu không phải lắng nghe Lời Chúa hay sao? Một sự lắng nghe như thế gắn kết toàn vẹn con người trong đường tình yêu thực sự của Chúa, đều có một điểm chung mà tín đồ Do-thái giáo hay ki-tô hữu đều nắm giữ: "*Lời ở kề gần con, trên môi miệng con và trong lòng con*" (Đnl 30, 14; Rm 10, 8).

Lectio

Dầu vậy, đó không phải là đọc như những cách đọc khác. Đối tượng thứ nhất của việc đọc này là Lời Chúa, do đây mới có tính từ **divina** (thuộc về Chúa) đi kèm. Nguyên thủy, Lectio divina và Sacra Pagina (trang sách thánh) là đồng nghĩa. Nhưng Lectio divina, cũng là cách thế mà một người đi vào với Lời này của Chúa để đọc Lời, cảm nếm Lời, cầu nguyện Lời và đem Lời ra thực hành. Do đây ở đây không trực tiếp liên quan tới giải thích, dù chỉ có tính cách đan tu, và cũng không phải là khoa chú giải Kinh Thánh, cũng không dùng Kinh Thánh để suy tư thần học hoặc dọn bài giảng¹, nhưng đơn thuần chỉ là đọc nhưng không, an bình, tuy nhiên đòi một cố gắng suy nghĩ, meditatio (suy niệm), tự

¹ x. DS, art. ECRITURE SAINTE

nó dẫn tới cầu nguyện, oratio, mà các đan sĩ đã luôn luôn yêu thích tuân giữ.

1. Một bắt nguồn từ Do-thái giáo

Phải đi tìm nguồn cội của Lectio divina từ trong Do-thái giáo, chắc hẳn trước hết trong việc sử dụng tại hội đường, là điều tạo nên "sự liên kết trọng yếu giữa Kinh Thánh và truyền thống khẩu truyền"². Kinh Thánh, công bố trong hội đường, tiếp đến được cất nghĩa, rồi qua việc giảng giải. Đó cũng chính là việc đọc đi đọc lại theo cách thể suy niệm cộng đoàn dân thánh. Nhưng việc đọc Kinh Thánh gồm hai giai đoạn: trong giai đoạn thứ nhất, Torah (Sách Lề Luật) đã được đọc cách liên tục, parashah ou sidrah; trong giai đoạn hai, liên hệ với việc đọc Sách Lề Luật (Torah), đến phần đọc sách các Ngôn Sứ, haphtarah. Các thực hành này nhắm tới làm cho dân nếm hưởng Sách Luật trong cộng đoàn, nhưng trong bầu khí lễ hội, ca ngợi và tôn thờ hoặc van nài, mà phụng vụ muốn tạo nên.

Điều những người tín hữu Do-thái trung thành thực hiện tại hội đường được dài trong cuộc sống của họ. Nói thế phải chăng mỗi gia đình khá giả đủ để có một cuộn Sách Luật ở trong nhà mình? Bằng mọi cách, ghi nhớ điều đã nghe là việc có thể. Sự ghi nhớ làm cho động từ khắc ghi vào cử điệu, tạo nên chất lượng của việc nghe mà tâm, trí, thân xác đều góp phần. Một lời rên rỉ³ diễn tả điều đó: haga trong tiếng hipri, μελετάω. "Đó đồng thời là việc đọc lớn tiếng, thao tác ghi nhớ và suy tư: nói - nghĩ - nhớ là ba giai đoạn cần thiết của cùng một hoạt động"⁴.

Một số những đòi hỏi, mà các giáo trưởng thường hay nhắc nhở, gắn liền vào với niềm vui hạnh phúc suy niệm lề luật như

² R. Le Déaut, *Truyền Thống...* p. 37

³ *Al hadhidh de Matta el Maskine*

⁴ (J. Leclercq, *L'amour des lettres...* p. 23)

thé: chuyên chăm, mà sách Gio-suê (1, 8) nhấn mạnh, chú tâm gạt bỏ những công việc khác để dành giờ tốt nhất cho Chúa⁵, nhất nữa sự khiêm tốn nội tâm mà thiếu nó sẽ không có một lời nào đủ sức gây âm vang trong lòng⁶.

Với giá này, việc đọc trở thành ngọt dịu như sữa mẹ cho trẻ thơ⁷; nó thanh tẩy con người, làm cho con người tránh xa sự dữ và giúp con người tăng thêm ơn phúc: "Nhờ đó con người trở nên một người công chính và trung tín"⁸. "Là người được 'Chúa và mọi người yêu quý', người chú tâm đọc Torah cảm nhận được sự phong phú bí nhiệm của Lời: nó cố gắng hiển một khả năng làm cho Lời Chúa được trải dài trong lời nhân loại của mình, việc đọc đi đọc lại, midrash, giúp họ hiểu được ý nghĩa thiêng liêng của Kinh Thánh".

Luật của Cộng đoàn Qumrân có thể minh chứng cho việc thực hành đọc - suy này về Sách Luật: "*dọn một con đường trong sa mạc*" (Is 40, 3) không có ý nghĩa gì khác ngoài việc chăm chú học hỏi Sách Luật⁹. Để sống giao ước tốt hơn, các phần tử của Cộng đoàn ngày đêm chăm chú học hỏi Sách Luật. "*canh thức một phần ba mỗi đêm để đọc trong Sách, để học luật và để cùng nhau cầu nguyện*"¹⁰.

2. Sự thực hành của các ki-tô hữu

Khác với việc đọc trong phụng vụ, liên quan đến vấn đề đọc cá nhân, legere sibi (đọc cho riêng mình) thật khó nhận ra chính

⁵ Pirké Avoth 4, 2; 6, 6

⁶ Sota 21

⁷ (Eroubim 24)

⁸ (Pirké Avoth 6, 6)

⁹ (1 QS, 8, 13-15)

¹⁰ (1 QS 6, 7; cf J. Carmignac et P. Guilbert, *Les textes de Qumrân traduits et annotés, t. 1, Paris, 1961, p. 44*)

xác di sản Do-thái trong những thế hệ ki-tô hữu đầu tiên. Đường như ban đầu các ki-tô hữu cố gắng sống niềm tin của mình nơi Chúa Ki-tô, Ngôi Lời của Thiên Chúa, trong Người mọi sự đã được hoàn tất¹¹, qua việc đơn sơ tuân phục truyền thống Phúc Âm: Sách Luật và các Ngôn Sứ, đó là phải lắng nghe Đấng Phục Sinh và giới răn duy nhất của Người. Quả vậy, đối với Ignace d'Antioche cũng như đối với Irénée, thừa kế trực tiếp và trung thành của các Giáo phụ tông đồ, sự trọn lành, đó là "đi vào trong sự thân mật của Thiên Chúa nhờ đức ái"¹².

Dẫu vậy, việc hướng dẫn đi vào Kinh Thánh là một trong những lối mà các Giáo phụ dẫn các tín hữu vào gặp gỡ Thiên Chúa, noi gương chính các tông đồ.

Tiếp liền tới sẽ có những sách Phúc Âm, các thư của Phaolô. Các ki-tô hữu sẽ có các sách đó, cũng như các vị tử đạo scillitains¹³. Điều mà người ta cũng biết về những vị khổ tu tiên khởi¹⁴, về vai trò của những ki-tô hữu gốc Do-thái ở Antioche hoặc về ảnh hưởng của Didascalée d'Alexandrie cho phép chúng ta theo dõi, chi tiết từng điểm một, về việc lưu truyền một phương cách đọc. Chúng ta chỉ cần đơn thuần xét đến trải nghiệm thiêng liêng của Cyprien le Carthage qua câu ngài viết cho Donat: "*Sit tibi vel oratio assidua vel lectio: nunc cum Deo loquere, nunc Deus tecum*" (Con hãy chăm chú cầu nguyện hoặc đọc Kinh Thánh: Khi con cầu nguyện, con nói với Chúa, khi con đọc thì Chúa nói với con)¹⁵. Câu nói này có kết quả tuyệt vời đến nỗi đã vượt qua cả thời cổ đại và thời trung cổ¹⁶.

¹¹ (so sánh với Is 55, 11 và Ga 19, 30)

¹² (*Adversus haereses n, 26,1, PG 7, 800a*)

¹³ (*cf AS, juillet, t. 4, Anvers, 1725, p. 214*)

¹⁴ (*Apocryphes clémentins il, 4, 6; cf DTC, t. 3, 1908, col. 219-222*)

¹⁵ *Ep. i, 15, PL 4,221b*

¹⁶ (*M. Viller*)

Phải chờ tới Origène mới thấy rõ nét việc thực hành Lectio divina. Chắc hẳn ông đã học nơi các vị thầy Do-thái của ông cách thể tìm hiểu kỹ càng lời Chúa, sống phù hợp với lời Chúa, *îpocéxelv*. Hạn từ này hầu như luôn được lặp lại để nhấn mạnh đến đặc tính của Lectio divina. Đó chính là nền tảng của tất cả cuộc sống khổ hạnh đúng đắn, của tất cả sự hiểu biết thiêng liêng¹⁷. Cần phải có một cố gắng chú tâm: mỗi ngày phải trở về với giếng Kinh Thánh, như Rebecca¹⁸. Điều mà người ta không tự tìm thấy được, người ta xin nơi Chúa.

Như thế việc đọc trở thành cầu nguyện, "vì tuyệt đối cần cầu nguyện để hiểu được những sự thuộc về Chúa"¹⁹. Đọc như thế sẽ lôi kéo người đọc đạo hạnh ra khỏi những dục vọng xác thịt, những lo lắng trần thế, để từ từ dẫn họ tới việc thần hóa.

Origène, các cộng tác viên và các đệ tử của ông đã không sống ngược lại những nguyên tắc đó. Suốt buổi sáng dành riêng để suy niệm Kinh Thánh²⁰; trong bữa ăn và khi mặt trời lặn người ta còn đọc Kinh Thánh nơi chung. Jérôme đã chứng tá: "*như thế việc đọc tiếp liền cầu nguyện và cầu nguyện tiếp liền việc đọc*"²¹. Lectio divina đòi phải có một ràng buộc: đó là suy niệm sự phán xét của Chúa "*không phải bằng những câu, nhưng bằng cách thực hành những câu đó sau khi đã hiểu*"²²

¹⁷ (Hom. in Exodum 12, 1-2, PG 12, 383; In Leviticum 5, 5 et 6, 6, 454 et 474; 12, 4, 540)

¹⁸ (Hom. in Genesim 10, 2, PG 12, 216cd)

¹⁹ *Lettre à Grégoire 4: a.fa.fy.ct.WTa.T^ yàp xal T) Tcepi TOU TOSÏV - rà 6eïa eûyr*

²⁰ x, Georges Kédrénos, PG 121, 485

²¹ (Ep. ad Marcellam 43, 2, PL 22, 478e; cf H. Crouzel, Origène..., p. 18,19)

²² (Origène, In ps. 118, 16; cf 27, 48, 97, 159, dans *La chaîne palestinienne sur le psaume 118*, SC 189, 1972).

Tùy theo từng bối cảnh, mỗi người theo cách thế riêng của mình, các tác giả trong thời vàng son của các Giáo Phụ chỉ khai triển "*những tư tưởng của Origène về vai trò hàng đầu của việc đọc Sách Thánh trong đời sống chiêm niệm*"²³, một cách chuyên chăm²⁴, mỗi ngày²⁵, với một thời khóa biểu chính xác²⁶, trong đó, ví dụ, dành những giờ vào rạng đông để suy niệm, và những giờ ban đêm để cầu nguyện²⁷. Người ta phải đọc có phương pháp²⁸, ngay cả cần phải có một chương trình đọc²⁹: trước hết chỉ đọc những sách chính thật³⁰, nhưng cũng phải giúp cho trí nhớ và con tim tích cực hoạt động³¹. Người ta nên nắm giữ lại điều mình đọc hơn là chỉ thưởng thức³²: do đó người ta phải thực sự học "thuộc lòng"³³.

Nếu con tim và trí nhớ can thiệp vào, thì sự thích thú, sapor, delectatio (*sự cảm hưởng ngọt ngào*) có trong Lectio divina lại không đồng thời là đụng chạm của Thánh Linh và kích động cầu

²³ (D. Gorce, *La «lectio divina v.., p. 63*). Kiểu đọc này phải đưa áp dụng vào cuộc sống (Basile, *Ep. i, 2, 3; De baptismo i, 2, 6; Jean Chrysostome, In Joannem 37, 1; In 1 Cor. 6, 4; Jérôme, Ep. 22, 17; 52, 7; 107, 9; 125, 11*)

²⁴ (Ambroise, *In ps. 118, 10, 39*)

²⁵ (Jérôme, *Ep. 22, 35; 127, 7; In Ecclesiasten 12*)

²⁶ (Jean Chrysostome, *In Matthaeum 18, 4; 48, 7*)

²⁷ (Eusèbe, *In ps. 118, 148, dans La chaîne palestinienne.., SC 189, p. 424*)

²⁸ (*chú ý tới ngữ cảnh, và Athanase, Contra arianos i, 54, PG 26,124*)

²⁹ (Jérôme, *Ep. 107,12*)

³⁰ (Basile, *Discours ascétique, PG 31, 649b*)

³¹ (Jérôme, *Ep. 22, 35; 54, 11; 77, 7*)

³² (Basile, *In ps. 33, 6, PG 29, 364d-365a*)

³³ Thuộc lòng, theo tiếng Pháp ở đây nên hiểu "par coeur" là học với tâm lòng, bằng con tim!

nguyện sao? Người ta cầu nguyện trước hết bởi vì Chúa Thánh Thần cho phép khám phá ra ý nghĩa của những chữ, những từ trong Kinh Thánh³⁴. Nhưng việc đọc cũng là một cách thể "căng buồm" cho Thánh Linh³⁵. "*Cầu nguyện chen kẽ với việc đọc làm cho tâm hồn trịnh trọng và mạnh mẽ hơn là khi tâm hồn được khích động bởi sự ước muốn Thiên Chúa*"³⁶.

Từ đó điều Origène nói sẽ tái diễn: trong khi thanh luyện tâm hồn, việc đọc dẫn tới một sự hoán cải không ngừng là biến đổi cuộc sống: "*Cuộc sống, đối với kẻ tha thiết ao ước ơn Chúa cứu độ, đó là suy niệm lễ luật, bởi vì lễ luật loan báo trước về ơn cứu độ đến trong thế gian này*"³⁷.

Việc đọc như thế là của tất cả mọi ki-tô hữu. Ngay trong phụng vụ, công việc của dân Chúa, cũng đã chen đan bài đọc Kinh Thánh với suy niệm Kinh Thánh trong việc hát thánh vịnh hoặc bài giảng. Nhưng, để có thể sinh lợi ích thực, việc đọc cộng đoàn này phải được làm cho phong phú nhờ việc làm riêng cá nhân³⁸. Điều người ta làm ở nhà thờ thì cũng phải làm tại nhà mình³⁹; Chính vì vậy Epiphane đã nói rằng "*việc mua sách ki-tô giáo là cần thiết cho những ai có tiền*"⁴⁰.

³⁴ (Basile, *De baptismo* i, 2, 6; *In ps. 14, 2*)

³⁵ (Jérôme, *In Ezechielem, prët. 12, PL 25, 369d*)

³⁶ (Basile, *Ep. 2, 4, PG 32, 229b*)

³⁷ (Didyme, *In ps. 118, 174, dans La chaîne palestinienne...*, p. 469). Cf Jean Chrysostome, *De Lazare* 3, 2; *In Matthaeum* 1, 1 et 2, 6; *Ambroise, In ps. 118, 20, 22-23 - In Lucam* 7,101; *Jérôme, Ep. 127, 7*)

³⁸ (Ambroise, *In. ps. 118, 1, 11; Jean Chrysostome, In Genesim* 6, 2; *In Matthaeum* 5, 1; *In Joannem* 11, 1)

³⁹ (et encore Césaire d'Arles, *Sermons* 7, 1; 196, 2; 198, 5)

⁴⁰ (*Apophtegmata* 8, PG 65, 165a)

Với những người liên lạc thư từ với mình, Basile⁴¹, Jean Chrysostome⁴², và nhất là Jérôme⁴³, nhấn mạnh, khuyến khích và khuyên nhủ, nêu gương, như Népotien nhờ chuyên chăm đọc Kinh Thánh, tâm hồn ông đã trở nên như là một thư viện của Chúa Ki-tô (*Jérôme, Ep. 60, 10, 8-9*). Sau này, Grégoire le Grand (Cả) đã nhắc nhớ thầy thuốc Théodore hoặc cặp vợ chồng ki-tô hữu Barbara và Antoine (*Ep. 4, 31; 11, 78*) tầm quan trọng của việc đọc như thế trong đời sống ki-tô hữu: "*Cha khuyên nhủ con hãy chuyên chăm mỗi ngày suy niệm những lời của Đấng Tạo Hóa của con. Con hãy học biết con tim của Chúa trong những lời của Chúa*" (4, 31, PL 77, 706b).

Đừng ai viện cố mình có việc khác để làm trong quân ngũ hay tại nhà, hoặc mình không biết đọc (*Césaire, Sermon 8, 1; cf 6, 2*), hay cho rằng đó là chuyện của các ông đan sĩ: Jean Chrysostome phản kháng: Anh em thấy rõ điều đó phá hại tất cả: anh em tưởng rằng việc đọc Kinh Thánh là công việc của riêng các đan sĩ, trong khi chính các anh em lại cần đọc hơn họ" (*In Matthaeum 2, 5, PG 57, 30d*).

Dù với tất cả những cố gắng của những người rao giảng gương mẫu⁴⁴, Lectio divina cũng đã phải rút vào trong các đan viện trải qua những thế kỷ dài. Các đan sĩ, các trinh nữ, thoát khỏi những bận rộn âu lo, được tự do hơn để chuyên chăm đọc Sách Thánh, suy niệm, tuy nhiên cho dù nếu kiến trúc với các đầu cột và các kiếng màu, "*Kinh Thánh của những kẻ nghèo*" có giữ vai

⁴¹ (*Ep. 296, PG 33, 1040e*)

⁴² (*Ep. 136, PG 52, 694e*)

⁴³ (*Ep. 22, 25; 130, 20*)

⁴⁴ (*như Jérôme, theo nhận định của Postumianus: «totus semper in lectione, totus in libris» (luôn trọn vẹn bận rộn trong việc đọc, luôn trọn vẹn bận rộn với sách vở), Sulpice Sévère, Dialogues, 9, PL 20, 190a*)

trò phụ thêm vào, thì người ta cũng có thể than phiền về thiếu đọc sách cụ thể. Đề ý thức về điều này, chỉ cần so sánh các bài giảng của các mục tử thế kỷ thứ 4 với những bài giảng của một vị ẩn danh tại Bắc Ý vào thế kỷ thứ 9⁴⁵.

3. Khổ chế đan tu

Dù hiện nay có cảm nhận được thế nào về những ảnh hưởng từ nguồn gốc đan tu trào Ki-tô giáo, chúng ta cũng thấy rằng việc đọc Kinh Thánh từ rất sớm đã chiếm chỗ rộng rãi trong việc khổ chế của các đan sĩ: đọc các thánh vịnh hay học thuộc lòng, hoặc toàn thể các Sách Thánh được đọc trong bầu khí "đối chiếu nội tâm giữa Lời Chúa và con tim"⁴⁶.

Chính khi nghe đọc ở nhà thờ trình thuật của Mt 19, 21 mà An-tôn đã quyết định rời bỏ tất cả để theo Chúa Ki-tô. Chính qua việc tả lại trải nghiệm của An-tôn hoặc cuộc sống của các cộng đoàn được thành lập chung quanh mình, Athanase đã nhắc đến sự áp dụng việc đọc Sách Thánh⁴⁷. Dầu thế, chương 55 nói về thao tác của các đan sĩ không nhắc gì đến việc đọc hoặc suy niệm: chắc hẳn Sách Vita Antonii muốn diễn tả một cách thân mật hơn về những liên hệ của người đọc và Lời Chúa⁴⁸.

Ngược lại, khi bắt đầu đọc Lời Chúa hoặc suy niệm, Pacôme chăm chú đọc từng đoạn⁴⁹. Các đan sĩ của ngài "*suy niệm và liên tục đọc Sách Thánh*"⁵⁰: vì, với cầu nguyện liên li và thức đêm, việc suy niệm như thế là cuộc sống của đan sĩ.

⁴⁵ (SC 161, 1970)

⁴⁶ (A. Louf, *Seigneur, apprend-nous à prier, Bruxelles, 1972, p. 73*)

⁴⁷ (*Vita Antonii 3 et 44, PG 26, 845a, 908ab*)

⁴⁸ (*845a et 908b; cf H. Bacht, «Meditatio»...*)

⁴⁹ (*Vita graeca I'*, 9, éd. F. Haïkin, Bruxelles, 1932, p. 7; cf PL 73, 235d)

⁵⁰ (*Vita bohairica 183, éd. L.-Th. Lefort, CSCO 107, 1952, p. 105*)

Cần phải ghi nhớ mối liên kết tỏ tường giữa suy niệm và đọc: Người ta gặp thấy trong Tu Luật của thánh Biển Đức⁵¹. Đó cũng có nghĩa là ghi nhớ điều mình đọc để dùng trong phụng vụ⁵² hoặc để cầu nguyện liên li suốt ngày mà phải học biết cảm hưởng việc đọc Kinh Thánh vào những giờ rảnh rỗi hiếm hoi. Như thế Horsièse đã có thể khuyên nhủ các đan sĩ của ngài: "*Chúng ta hãy chăm lo đọc và học hỏi Kinh Thánh. Dùng hết giờ để suy niệm*"⁵³.

Dẫu thế nào, một cách mờ hồ hay tỏ tường, thì ảnh hưởng của Origène đối với truyền thống khổ chế và thần bí được phát triển trong sa mạc rồi trong các đan viện, qua nhiều người trung gian, không thể chối bỏ được. Didyme l'Aveugle chắc hẳn không lạ lẫm gì điều đó. Trước Jérôme mà ông gọi là "sư phụ" của mình⁵⁴, Pallade đã gặp ông⁵⁵, và An-tôn vui thích thăm viếng ông⁵⁶. Đúng thật, Didyme đã kế nghiệp thụ hưởng nhiều từ Origène và đã bênh vực Origène⁵⁷.

Lúc khởi đầu trải nghiệm đan tu tại Annési, Basile de Césarée và Grégoire de Nazianze đã sáng tác một Philocalie⁵⁸ về các văn bản của Origène⁵⁹. Tuy nhiên chính Kinh Thánh vẫn luôn là nguồn của học thuyết khổ chế và đan tu của Basile: "*Con đường lớn dẫn tới khám phá ra trách nhiệm, đó là suy niệm Kinh Thánh được mặc khải..., và hạnh tích cuộc đời của các vị chân phước mà Kinh Thánh đã chuyển đạt là như những hình ảnh sống động của*

⁵¹ (RB 48, *meditare aut legere, suy niệm và đọc*)

⁵² (Pallade, *Histoire lausiaque* 32)

⁵³ (*Doctrina de institutione monachorum* 51, PG 40, 892a)

⁵⁴ (Ep. 50, 1; 84, 3; *In Osée, prol.*; *In Ephes., prol.*)

⁵⁵ (*Histoire lausiaque* 4)

⁵⁶ (*Vitae Patrwn in*, 218, PL 73, 809e; Jérôme, Ep. 68, 2)

⁵⁷ (Socrate, *Histoire ecclésiastique iv*, 25)

⁵⁸ *Amour de la Beauté: yêu mến vẻ đẹp*

⁵⁹ (Grégoire, Ep. 115, 3, éd. P. Gallay, t. 2, Paris, 1967, p. 10)

cuộc sống theo như ý Chúa, được đề nghị để noi gương các việc lành của các ngài"⁶⁰. Do đó, Kinh Thánh phải được mỗi người học hỏi tùy theo nhu cầu riêng mình⁶¹. Việc đọc này, dẫn tới cầu nguyện⁶², thanh tẩy tâm hồn và "ghi khắc trong tâm hồn một ý tưởng rõ ràng về Chúa", điều này vẫn còn là một ý tưởng của Origène.

Một người khác tiếp nối Origène, Évagre quan niệm rằng đọc Sách Thánh, cùng với canh thức và cầu nguyện, là một phương thế giúp tâm trí hết lo ra chia trí⁶³. Trong tác phẩm *Gương các trinh nữ*, việc chuyên chăm đọc sách vào buổi sáng là con đường của cầu nguyện và của kiến thức thần bí: "*Ước mong mặt trời mọc lên nhìn thấy quyển sách trong tay con*"⁶⁴, và công việc con làm sau giờ thứ hai. *Con hãy cầu nguyện không ngừng và con hãy nhớ đến Chúa Ki-tô là Đấng đã sinh ra con*"⁶⁵. Người ta tìm gặp đỉnh điểm khổ chế của Practicos (*thực hành*) nơi Jean Cassien⁶⁶, Maxime le confesseur⁶⁷, Thalassios⁶⁸, le pseudo-Théodore d'Édesse⁶⁹. Phương diện khổ chế này đã được "Histoire

⁶⁰ (Ep. 2, 8, PG 32, 228bc)

⁶¹ (*Petites Règles 95 et 235; cf L. Lèbe, S. Basile, les Règles monastiques, Maredsous, 1969, p. 225, 295*)

⁶² (Ep. 2, 4, 229b)

⁶³ (*Practicos 15, SC 171, p. 535*)

⁶⁴ (*codicem in manibus tuis*)

⁶⁵ (1283a)

⁶⁶ (*Conférences 10, 14, SC 54, 1958, p. 95*)

⁶⁷ (*Centuries sur la charité il, 47, PG 90, 1000e, et 8C 9, 1943, p. 108*), Nil (Ep. n, 135, PG 79, 256d)

⁶⁸ (*Centuries iv, 19, PG 91, 1460cd*)

⁶⁹ (*Centurie, n. 13, dans la Philocalia, t. 1, Athènes, 1957, p. 306*)

lausiaque"⁷⁰ ghi lại, cho thấy, trong sa mạc, việc đọc và suy niệm Lời Chúa làm cho cuộc sống của các đan sĩ và công việc lao tác được quân bình như thế nào⁷¹.

Đối với Poemen, không hẳn đã quan niệm như thế về việc đọc Sách Thánh: khi ở trong tu phòng, đan sĩ cầu nguyện, suy niệm, lao động và canh chừng những tư tưởng của mình bao nhiêu có thể⁷². Tuy nhiên những vị khác thì dường như rất ngại tranh luận về Kinh Thánh⁷³. Ngược lại, đối với Épiphane thì "*Đốt, không biết Kinh Thánh là một trượt dốc, một hố sâu*"⁷⁴, trong khi đó nếu đọc Kinh Thánh sẽ có được một an toàn lớn để không phạm tội"⁷⁵.

Cũng chính trong việc "suy niệm Kinh Thánh và thực hành những huấn lệnh của Chúa, mà tuyển tập của Hyperechios không nhắc đến, lại là khổ chế của đan sĩ: "*Miệng của đan sĩ sẽ mở ra cho Lời Chúa và lòng đan sĩ suy niệm không lo ra chia trí, trên tất cả, những lời của Chúa*"⁷⁶.

Tại Syrie, vào cùng thời đại đó, các đan sĩ mà Jean Chrysostome (+ 407) nổi bật nhất "*chuyên chăm đọc Sách Thánh*

⁷⁰ *Histoire lausiaque: một tác phẩm của Pallade de Galatie, viết khoảng năm 418-419. Kể về thời gian đầu của đan tu trào Ki-tô giáo tại Ai-cập. Không nên lầm lẫn với Historia monachorum in Aegypto (lịch sử các đan sĩ tại Ai-cập), được viết trước đó ít lâu, hoặc với sự trình bày về nguồn gốc đan tu trào Ai-cập mà người ta tìm gặp trong Cuộc Đời của Paul de Thèbes do thánh Jérôme viết.*

⁷¹ (cf Meyer, trích dẫn ở trên)

⁷² (*Apophtegmata, Poemen 168, PG 65, 361e*)

⁷³ (*Arsène 42, 105d; Ammoun 2, 128e*)

⁷⁴ (11, 166b)

⁷⁵ (9, 166b)

⁷⁶ (4 et 125, PG 79, 1473a, 1485b; et F. Poswick, *Les apophtegmes d'Hyperechios, dans Collectanea cisterciensia*, - CC, t. 32, 1970, p. 231-255)

ngay sau khi đọc xong Kinh Sáng và có nhiều vị còn viết lại Kinh Thánh⁷⁷. Ngược lại, Isaia (+ 488) không hề nhắc tới việc đọc Kinh Thánh cũng như suy niệm, khi ngài nói về cầu nguyện và hát thánh vịnh⁷⁸.

Các đan sĩ ở Palestine ít trau chuốt hơn các anh em mình ở Ai-cập; Quả thực các ngài được đón tiếp các vị thông thái như Origène, Jérôme, Rufin, Paula hoặc hai vị tên Mélanie đến ở một thời gian với mình. Quả vậy, Thư tín của Barsanuphe và Jean de Gaza⁷⁹ bàn về việc đọc Sách Thánh với những từ chính xác và cách diễn tả cho thấy một kinh nghiệm lớn. Đối với các ngài, việc đọc Sách Thánh là, như cầu nguyện, một thao tác thiêng liêng ưu tiên: "*Con đừng bỏ qua; một chút cái này, một chút cái kia (nói về đọc Sách Thánh và cầu nguyện) và như thế con sống ngày sống của con trong khi làm đẹp lòng Chúa*"⁸⁰. Người ta đọc khoảng 5 hay 6 tờ⁸¹, trong khi lưu ý đến các chữ⁸². Đặc biệt đọc Kinh Thánh⁸³, nhưng cũng đọc hạnh tích cuộc đời các Giáo Phụ⁸⁴. Đối với Origène, Didyme, Évagre, phải sử dụng sự biện phân⁸⁵ và chỉ đọc điều gì có ích cho tâm hồn⁸⁶. Nếu sự ăn năn thống hối có xâm

⁷⁷ (In 1 ad Timotheum 14, 4, PG 62, 576d): "*Các ngài hút ra từ đó mật ngọt của kinh nguyện và việc đàm đạo của các ngài*" (In Matthaëum 68, 5, PG 58, 646bc)

⁷⁸ (F. Graffin, *Un inédit de l'abbé Isaie sur les étapes de la vie monastique*, OCP 29, 1963, p. 449-454)

⁷⁹ *Bản dịch tiếng pháp của đan viện Solesmes, 1972*

⁸⁰ (143)

⁸¹ (Lettre 85)

⁸² (428)

⁸³ (61)

⁸⁴ (143, 150)

⁸⁵ (600)

⁸⁶ (602)

chiếm lòng mình trong khi đọc, thì cũng cứ tiếp tục đọc bao nhiêu có thể⁸⁷, chỉ cần lưu ý giữ lòng khiêm nhu⁸⁸. Về phần mình, Dorothee de Gaza khuyên nên đọc Kinh Thánh liên tục để chống lại sự vô cảm của tâm hồn, nhưng ngài không quá nhấn mạnh; ngài thích dùng động từ “tTeXsTàm”⁸⁹.

Tại xứ Gaule, Martin de Tours, đã không để qua đi một lúc nào mà không chìm đắm trong cầu nguyện hoặc chuyên chăm đọc Sách Thánh⁹⁰, ngài đã lập một thư viện tại Marmoutiers, nơi đó ngài đã muốn lấy theo mẫu mực của Pacôme về “*cầu nguyện riêng và chung cộng đoàn được nuôi dưỡng bằng việc đọc Sách Thánh và suy niệm Kinh Thánh*”⁹¹.

Tại miền Nam xứ Gaule, trước khi đan viện Lérins được nổi tiếng nhờ Euchèr và Césaire, thì Jean Cassien đã thiết lập ở Saint-Victor de Marseille điều ngài đã học hỏi được trong những cuộc hành trình đan tu của ngài. Trong tập Institutions nổi bật quan điểm của Évagre; với việc chay tịnh, canh thức, tâm lòng thống hối, việc đọc Sách Thánh cho phép chống trả những dục vọng, mê ăn, buồn chán và nguội lạnh⁹². Tuy nhiên đó là việc đọc trực tiếp Kinh Thánh chứ không đọc các chú giải về Kinh Thánh⁹³, đọc kèm theo suy niệm, cảm hưởng và đồng thời ghi nhớ⁹⁴. Khi bắt chọt đi ngang qua một tu phòng, một người bắt gặp vị đan sĩ trong đó: đan sĩ đang chuyên chăm làm việc và suy niệm, trong phòng

⁸⁷ (87)

⁸⁸ (228)

⁸⁹ (Lettre 7, n.192, SC 92, 1963, p. 512)

⁹⁰ (Sulpice Sévère, Vita Martini 26, SC 133, 1967, p. 312-314)

⁹¹ (J. Fontaine, Commentaire..., t. 2, SC 134, 1968, p. 686; cf t.3, SC 135, 1969, p.1069,1091, 1092)

⁹² (v, 14; xi, 3 et 6; xn, 11-14)

⁹³ (v, 34)

⁹⁴ (xi, 16)

trống trơn, tuy nhiên thấy có một kệ nhỏ, cây bút, tập sách⁹⁵. Trong các bữa ăn chung người ta đọc "*những bài đọc thánh*"⁹⁶. Đó là một thói quen "*không phải đến từ Luật của người Ai-cập nhưng của người Cappadoce*"⁹⁷.

Sách Les Conférences (của Jean Cassien) đào sâu thêm giáo huấn của sách Institutions: việc chuyên chăm đọc sách và suy niệm Kinh Thánh với lòng khiêm nhu và con tim trong sạch⁹⁸ lấp đầy trí nhớ bằng những tư tưởng về Chúa⁹⁹. Việc áp dụng và chuyên cần như thế thấm đượm tâm hồn đến nỗi biến tâm hồn thành như hòm bia Giao Ước¹⁰⁰.

Lời Chúa hoạt động mạnh trong đó: "*Tùy theo mức độ mà tâm trí chúng ta được đổi mới nhờ việc học hỏi này, Kinh Thánh bắt đầu thay đổi diện mạo*"¹⁰¹. Chắc hẳn người ta thấy ở đây những ý tưởng của Origène. Tuy nhiên, qua một sự khéo léo không dự tính trước, hiện tượng đọc lại (Sách Thánh) có nguồn của midrash, dần dần dẫn tới "*một khoa học đích thật của Kinh Thánh*", "*khoa học thiêng liêng thanh luyện và soi sáng*"¹⁰².

Nói tóm lại, các đan sĩ xưa kia rút ra từ Lectio divina hai đặc điểm: một đặc điểm hướng nội và chiều sâu, một đặc điểm nhắm tới hữu hiệu và dẫn thân thực tế trong cuộc chiến đấu thiêng liêng của mỗi ngày.

⁹⁵ (có lẽ là Sách Thánh, iv, 13)

⁹⁶ (iv, 17)

⁹⁷ (*ibidem*; cf Basile, Règles brèves 180, PG 31,1204a)

⁹⁸ (xiv, 10)

⁹⁹ (i, 17)

¹⁰⁰ (xiv, 10)

¹⁰¹ (xiv, 11)

¹⁰² (xiv, 10)

Lectio divina xuất hiện như một phương thế khổ chế trong đó kỹ thuật và sức cố gắng thúc đẩy đan sĩ tiến bước trên đường đáp lại tiếng Chúa gọi, cải tiến, biến đổi thành con người được canh tân.

4. Các nhà lập luật đan tu

Trong khi phân biệt việc đọc sách cá nhân, nhẹ nhàng¹⁰³, với những bài đọc trong Thần Vụ và các việc đọc khác của đan viện, các nhà lập luật về đời sống đan tu đã dần dần ấn định quy tắc thực hành Lectio divina: Các ngài ấn định giờ giấc, sách đọc và, tế nhị đề nghị cách thế đọc.

1- Giờ

Cho dù truyền thống dòng Augustinô mà Ordo monasterii ghi lại¹⁰⁴ đặt giờ Lectio divina giữa Kinh Giờ Sáu và Kinh Giờ Chín, sau đó phải trao lại sách cho người trách nhiệm, tuy nhiên giờ Lectio divina bình thường vẫn vào khoảng đầu ngày¹⁰⁵, hoặc trước hay sau Kinh Giờ Ba, tùy theo mùa¹⁰⁶.

Đối với Luật Sư Phụ, luôn lưu tâm đến việc giúp các đan sĩ chuyên chăm giữa các Giờ Kinh, thì Lectio divina là một thao tác thiêng liêng, lúc đó người ta học đọc, học thuộc lòng các thánh vịnh, và cũng đọc cho nhau nghe; kéo dài khoảng ba giờ, trước

¹⁰³ (x. *TL Biển Đức* 38)

¹⁰⁴ (3; *L. Verheijen, La Règle de S. Augustin, Paris, 1967, p. 150*)

¹⁰⁵ (*Régula Magistri, = RM, 50, 8-15; Régula Ferreoli 26, PL 66, 968d*)

¹⁰⁶ (*Régula Isidori 7; Régula Fructuosi 6, dans Benoît d'Aniane, Concordia regularum LV, 17-18, PL 103, 1187-1188; déjà, Pelage, Ad Demetriadem 23, PL 30, 37b*)

Kinh Giờ Ba¹⁰⁷. Sau Kinh Giờ Ba, nếu làm việc chung với nhau, người ta tiếp tục đọc¹⁰⁸.

Césaire d'Arles khuyến khích lợi dụng các giờ ban đêm để đọc nhiều, khi không thể làm việc được ở ngoài trời¹⁰⁹ và đã xếp đặt một thời khóa biểu khác trong Tu Luật của ngài¹¹⁰. Trong tất cả các mùa, các đan sĩ phải đọc cho tới Kinh Giờ Ba. Các nữ đan sĩ phải dành ra ít là hai giờ cho việc đọc, từ buổi sáng cho tới giờ thứ hai¹¹¹. Trong giờ làm việc tiếp liền sau đó, người ta phải tiếp tục đọc, nhưng đọc chung, một giờ liền; sau đó, mỗi chị suy niệm trong lòng mình Lời Chúa và cầu nguyện¹¹².

Sự liên hệ giữa Lectio và Meditatio cũng hiển nhiên đối với thánh Biển Đức là người lưu ý nhiều hơn đến giờ giấc¹¹³. Để ý không áp đặt điều gì thái quá, thánh Biển Đức muốn dành cho Lectio một thời gian khá dài, khoảng hai hoặc ba giờ liền, để học hỏi đúng đắn, tuy nhiên không quá căng để không gây nản lòng cho bất cứ ai. Giờ dành riêng cho Lectio divina trong thời khắc biểu biển đức là giờ được chọn trước giờ ăn trưa, hoặc, trong Mùa Chay, từ sáng đến hết giờ thứ ba.

Người ta cũng có thể lợi dụng giờ nghỉ trưa, nhưng không được làm phiền người bên cạnh, và như vậy đọc cho mình, không gây tiếng động, *legere sibi (đọc cho riêng mình)*, theo nghĩa thứ nhất của việc đọc tĩnh lặng mà thánh Augustinô đã cảm phục nơi

¹⁰⁷ (RM 50,8-15)

¹⁰⁸ (RM 50, 28; cf A. de Vogué, *La Règle du Maître*, t. 1, SC 105, 1964, p. 43-44)

¹⁰⁹ (*Sermons* 6, 2; 7, 1; 8, 2)

¹¹⁰ (14)

¹¹¹ (*Statuta virginum* 19; *Ep. ad Caesariam* 2,7)

¹¹² (*Statuta...*, 20)

¹¹³ (TL 48)

thánh Ambroise¹¹⁴. Chúa nhật, tất cả mọi người chuyên chăm đọc Sách Thánh trong mức độ có thể.

Tại vùng Á Đông thuộc Syrie, sau này, lá thư về đời đan tu mà người ta cho là của Philoxène de Mabbour¹¹⁵, nhưng thực ra là của Joseph Hazzâyâ¹¹⁶, cũng xếp giờ đọc Sách Thánh vào trọn buổi sáng, và thêm vào khoảng phần thứ ba của đêm¹¹⁷.

Trễ hơn sau này, tại đan viện Stoudion ở Byzance, việc cải tổ của Théodore Studite (năm 826) dành cho Lectio thời gian giữa Kinh Giờ Một (hoặc trong Mùa Phục Sinh, bữa ăn thứ nhất) và giờ làm việc lại vào giờ thứ tám¹¹⁸. Tại Stoudion, Nicétas Stéthatos kể lại sự kiện Syméon le Nouveau Théologien (1022) lúc còn thanh xuân đã có ấn tượng về việc Jean Climaoue chuyên chăm đọc Sách Thánh: "*Ông làm quen với Sách Thánh*". Syméon cũng thực hành trong việc khổ chế hằng ngày bằng cách chen đan cầu nguyện với đọc suy niệm Kinh Thánh¹¹⁹.

2- Sách đọc

Vấn đề liên quan tới sách đọc cho Lectio divina, Kinh Thánh là thư viện lớn cho các đan sĩ. Tuy nhiên thánh Biển Đức cũng mở rộng về phương diện sách đọc¹²⁰: Các thánh Giáo Phụ, các tiền sĩ công giáo, Jean Cassien, hạnh tích các Thánh Phụ, Tu luật thánh Basile. Tu luật thánh Ferréol nhắc tới sách gương các vị

¹¹⁴ (*Confessions vi, 3, 3*)

¹¹⁵ t. 523

¹¹⁶ (*thế kỷ thứ 8; DS, t. 8, col. 1343*)

¹¹⁷ (*éd. F. Grafim, dans L'Orient syrien, t. 6, 1961, p. 464-465*)

¹¹⁸ (*J. Leroy, La vie quotidienne du moine studite, dans Irénikon, t. 27, 1954, p. 47; cf La réforme studite, OCA 153, 1958, p. 181-214*)

¹¹⁹ (*Nicétas, Vie de Syméon.., n. 6 et 27, OC 12, 1928, p. 13 et 39*)

¹²⁰ (*TL 73*)

tử đạo¹²¹. Cassiodore còn thêm các sử gia¹²². Nhìn chung, các thư viện đan tu thế kỷ thứ 6 dẫu sao cũng không đáp ứng những quy lệ được nêu ra¹²³. Dẫu thế, sự quan tâm cho Lectio divina một nền tảng văn hóa vững chắc là điều không bị lãng quên.

Nhưng phải có một bối cảnh lịch sử khác để các đan sĩ cảm nhận được hơn nữa sự cần thiết một nền văn hóa mà Tertullien¹²⁴ cũng như Origène¹²⁵ quan tâm đến. Cách chung, người ta có thể nói rằng chính từ Lectio divina mà các thư viện được lập nên, rồi đến các scriptoria đan tu¹²⁶. Dần dần Lectio trở nên đồng nghĩa với studium (học), cuộc sống trí thức.

Tuy nhiên không bao giờ trào lưu trí thức phát triển trong các đan viện đánh mất sự tiếp cận với nguồn của nó là Lectio divina, và nhờ Lectio divina, cùng với phụng vụ và môi trường đan viện mà nếu không có những thứ này người ta không thể hiểu được Lectio divina cách hoàn toàn.

3- Công việc nghiêm túc

Dù không là một công việc khảo cứu hoặc công việc uyên bác, Lectio divina vẫn là một Công Việc Nghiêm Túc: "*Tất cả những gì liên quan tới việc học và Lectio divina, gần hay xa, với thánh Biển Đức, cũng mặc một tầm quan trọng rất đặc biệt*"¹²⁷. Quyền sách nhận được đầu Mùa Chay phải đọc hết và đọc liên tục¹²⁸. Ở đó có một sức cố gắng mà không bất cứ ai cũng có thể

¹²¹ (18, PL 66, 965d)

¹²² (*De institutione divinarum litterarum* 17, PL 70, 1134-1135)

¹²³ (cf P. Riche, *Éducation..*, p. 182-215)

¹²⁴ (*De idololatria* 10)

¹²⁵ (cf Eusèbe, *Histoire ecclésiastique* vi, 18, 4)

¹²⁶ (*scriptorium*: phòng học)

¹²⁷ (G.-M. Oury, *loco cit.*, p. 143; cf I. Herwegen, S. Benoît, p. 151-152)

¹²⁸ (TL 48)

làm được bởi vì Tu Luật đã xếp đặt những người giám thị khi an hem đọc. Dầu vậy công việc đọc mà đan sĩ phải chuyên chăm đây không xa việc cầu nguyện mà đan sĩ có thể đơn thuần làm ở nhà nguyện, ngoài các giờ thần vụ chung, "với nước mắt và lòng mến"¹²⁹. Do đây Lectio là một sinh hoạt mà người ta chuyên chăm vào những giờ khắc nhất định.

Như với những công việc lao tác khác, Lectio divina gần gũi sâu xa với việc suy niệm theo truyền thống¹³⁰. Như thế việc đọc có thể tác động hữu hiệu trên đan sĩ, biến cải cuộc đời của anh, giúp anh thực hiện được điều anh đến làm ở đan viện: hoán cải, thực tâm tìm Chúa¹³¹. Chính vì vậy các sách thánh Biển Đức khuyến đọc trở thành luật đời sống và con đường hoàn thiện vươn tới những đỉnh cao hơn¹³².

Sự phát triển về cách thực hành Lectio divina cũng ảnh hưởng nhiều về cách thế thánh Grégoire Cả thực hiện trên tất cả thời trung cổ, trong khi chờ đợi các đan sĩ Xi-tô tái khám phá ra các Giáo Phụ Hy-lạp và thế kỷ 12. Quả thực, chỉ để nhắc đến một chủ đề, Césaire d'Arles đã nói đến ruminatio (gặm nhấm, nhâm nhi, nghiền): thật lạ, ông so sánh sự thanh luyện với những con vật thuộc loại nhai đi nhai lại¹³³; cách sâu xa hơn, ruminatio là đặc thù của những người suy nghĩ về điều họ nghe và giữ lại trong ore cordis (miệng của con tim)¹³⁴. Thánh Grégoire cũng nói về

¹²⁹ (52)

¹³⁰ (TL 48, *meditare* - suy niệm hoặc *legere* - đọc)

¹³¹ (58; x. Phần Mở)

¹³² (73)

¹³³ (*Sermons* 88, 6; 99, 3; 114, 6; 117, 6; 124, 6; 161, 2)

¹³⁴ (69, 5; 99, 3)

ruminatio, về masticatio (nhai - như nhai... trầu!)¹³⁵, nhưng có lẽ đặc tính "tâm lòng" của Lectio divina phải có nguồn từ Grégôriô¹³⁶.

Chúng ta hãy ghi nhớ rằng ngoài Regula pastoralis (luật mục vụ), Colomban còn xin thánh Grégôriô những chú giải về ngôn sứ Ê-dê-ki-en và về sách Diễm Ca. Dầu vậy, chỉ một thoáng nhắc đến việc đọc trong Tu Luật của ngài. Nhưng có lẽ kiểu nói delectatio litterarum (sự dịu ngọt của sách thánh) còn đưa đi xa hơn. Người viết tiểu sử cuộc đời Columban nói rằng ngài không bao giờ xa rời bản văn thánh (Sách Thánh) của mình¹³⁷.

5. "Lectio divina" thời tiền trung cổ

1⁰ Các đan sĩ Biển Đức

Khởi đi từ Tu Luật Biển Đức người ta có thể theo cách thực hành Lectio divina hoặc do sách thói lệ, hoặc dễ dàng hơn, theo những bài viết của chính các đan sĩ. Sách các thói lệ nói ít về vấn đề này hơn các bản văn khác. Và đáng khác, *"làm sao có thể tìm lại được trong thực tại hằng ngày, với sự uyển chuyển và áp dụng theo những hoàn cảnh cụ thể, cái quan điểm của thời trung cổ"*¹³⁸. Dầu sao tuyên tập các thói lệ mà thánh Sturme (+ 776) thiết lập cho đan viện Fulda của ngài cũng nhấn mạnh tới bầu khí

¹³⁵ (*Moralia in Job* i, 21, 29; vi, 5, 6; xxix, 9, 19; *Hom. in Ezechielem* i, 5, 1 et 10, 3). Thánh nhân cũng sẽ không bỏ việc áp dụng hay chuyên chăm (par exemple, *Moralia* iv, 1)

¹³⁶ (*In Ezechielem* i, 1, 15; i, 6, 16-17)

¹³⁷ (*Jonas, Vita Columbani* i, 8, *MGH Scriptores rerum merovingicarum*, t. 4, Hanovre, 1902, p. 74).

¹³⁸ (*J. Dubois, Les moines dans la société du moyen âge (950-1350), dans Revue d'histoire de l'Église de France*, t. 60, 1974, p. 31; à propos de Cluny, *J. Leclercq, Pour une histoire de la vie à Cluny, RHE*, t. 57, 1962, p. 795-801)

thịnh lặng cần mẫn mà Lectio divina cần được bảo vệ, dù là được thực hành trong nội vi hay nơi nào khác¹³⁹.

Nhưng người ta có thể tìm đọc tuyển tập về những thói lệ xưa của Cluny¹⁴⁰ hoặc tuyển tập được gọi với tên «Discipline de Farta» (Quy Luật Farta), trình bày lối sống của Cluny vào thế kỷ 11, người ta cũng chỉ thấy rất ít những huấn dụ về Lectio divina. Dẫu vậy "Discipline de Farta" cũng lưu giữ một danh mục các sách phát cho các đan sĩ vào đầu Mùa Chay¹⁴¹: và như thế người ta có thể biết được các tác phẩm được đọc tại Cluny vào giữa thế kỷ 11: các sách Kinh Thánh, các Giáo Phụ, nhưng cũng có các sách của Eusèbe, Orose, Josèphe và Tite-Live!¹⁴².

Xét chung nhiều thư viện đan tu từ thế kỷ này, tỷ lệ các tác phẩm về lịch sử thì khá cao: chỉ nêu lên một ví dụ, đúng như thế tại Pomposa vào cuối thế kỷ 11¹⁴³. Tại Anh quốc, Regularis concordia của Dunstan cho thấy các đan sĩ ngồi trong đan viện (hàng hiên) suốt buổi sáng và chăm chú thịnh lặng đọc Sách¹⁴⁴; về phần Các Tuyên Ngôn của Lantranc¹⁴⁵, nếu có cho chúng ta biết về việc phân phát các sách Mùa Chay, cũng không nói rõ về cách

¹³⁹ (*Antiquae consuetudines monasteriorum ordinis S. Benedicti* 1, 5; 2, 3; PL 89, 1261-1262; cf *Histoire littéraire de la France*, t. 4, Paris, 1866, p. 161-162)

¹⁴⁰ (*Udalric, Antiquiores consuetudines cluniacenses* n, 24, PL 149, 712bc; cf i, 41, 687)

¹⁴¹ (*il*, 51, PL 150, 1284d-1285e)

¹⁴² (cf Mabillon, *Annales ordinis S. Benedicti*, t. 4, Paris, 1707, LUI, n. 20, p. 208-209; A. Wilmart, *Le couvent et la bibliothèque de Cluny au 11e siècle*, dans *Revue Mabillon*, t. 11, 1921, p. 89-124)

¹⁴³ (*J. Leclercq, dans Témoins de la spiritualité occidentale*, Paris, 1965, p. 163)

¹⁴⁴ (PL 137, 497a)

¹⁴⁵ (21)

thế người ta đọc các sách đó thế nào. Chỉ ghi nhận hình phạt dành cho đan sĩ chểnh mảng trong việc đọc sách đã nhận năm trước¹⁴⁶.

Ngược lại, qua các thư tín, các bài giảng, hạnh tích hoặc các khảo luận khác nhau, các đan sĩ trình bày nhiều hơn.

Các ngôn từ mà các đan sĩ dùng để nói về Lectio divina có một nét duyên thực tế mà J. Leclercq đã cho một giá trị cao. Chúng tôi nêu ra đây vài tên như làm mẫu.

Tại Séville, Léandre (năm 596), khi viết cho em gái là Florrentine một khảo luận về đời sống tu, đã khuyên em đọc, và nhờ người đọc trong khi lao tác, một bài đọc dạy mình cầu nguyện¹⁴⁷, trong khi đó thầy Isidore dành riêng hai chương cho việc đọc và việc chuyên cần đọc¹⁴⁸.

Tác phẩm của Ambroise Autpert (784) chứng tá về sự ông chuyên cần cầu nguyện và thực hành Lectio divina. Chính ông quả quyết điều đó trong bài Chú Giải sách Khải Huyền: "*Nếu coi như tôi có một cái gì đó, thì chính từ trong kho lâm của Chúa Kitô mà tôi đã múc lấy*"¹⁴⁹. Alcuin (804) trong các thư, ông thích khuyên chuyên cần đọc Sách Thánh, ông cũng viết như thế cho các đan sĩ ở Saint-Waast d'Arras¹⁵⁰.

Smaragde (824), là người đầu tiên chú giải Tu Luật Biển Đức và là tác giả của "Triều Thiên các đan sĩ", đã dùng chính ngôn từ của Cyprien, chắc là rút từ Isidore de Séville¹⁵¹. Ông dùng

¹⁴⁶ (éd. K. Hallinger, *Corpus consuetudinum monasticarum*, t. 3, Siegburg, 1967, p. 20)

¹⁴⁷ (*De instructione virginum* 6, PL 72, 883d-884a)

¹⁴⁸ (*Sentences in*, 8-9, PL 83, 679a-682a)

¹⁴⁹ (*et DS*, t. 7, col. 2169)

¹⁵⁰ (*Ep.* 51, PL 100, 216bc; cf le ch. 5 *De lectionis studio du De virtutibus et vitiis*, PL 101, 616c-617a)

¹⁵¹ (*Diadema...*, 3; *Commentarium...*, 49; PL 102, 597cd, 887d)

ngôn từ đó để xếp đặt việc đọc (là việc giáo huấn) giữa cầu nguyện (là việc thanh tẩy) và suy niệm (là việc giữ lại hoa trái của việc đọc)¹⁵².

Bède (735) có một vị trí đặc biệt. Tác phẩm của ngài trong nhiều đoạn đã nói lên sự thân tình tâm phúc với Kinh Thánh mà Lectio divina đã làm nảy sinh trong ngài. Không gì là êm dịu hơn cho ngài cho bằng học, dạy và viết¹⁵³, bởi vì ngài suy niệm Kinh Thánh, không bỏ qua điều luật gì, cũng như việc hát thần vụ (omnem meditandis Scripturis operam dedi).

Đối với Odon de Cluny (942), việc khổ chế hằng ngày dẫn các đan sĩ đến gặp gỡ Chúa Ki-tô bởi vì khổ chế này được linh hoạt bởi thần vụ hoặc Lectio sacra¹⁵⁴.

Tại Saint-Riquier, thế kỷ 11, các đan sĩ cố gắng đọc và cầu nguyện, như Odelger mà Hariulf kể tới "*assiduae lectioni et orationi insistens*"¹⁵⁵, hoặc như Gervin mà ông cho thấy ngồi hàng hiên đan viện với cuốn sách ngay từ khi mặt trời vừa mọc: "*divini verbi favos sibi congerebat*"¹⁵⁶.

Nhấn mạnh tới thiên đường tìm lại được là đan viện, Exhortatio in amorem claustris¹⁵⁷ của Guillaume Firmat 1095

¹⁵² (et J. Leclercq, *Témoins de la spiritualité occidentale*, p. 69)

¹⁵³ (et J. Leclercq, *Témoins de la spiritualité occidentale*, p. 69)

¹⁵⁴ (cf Jean de Salerne, *Vita Odonis i*, 30-32, PL 133, 56c-57c; cité par K. Hallinger, dans *Revue Mabillon*, t. 46, 1956, p. 130; G. de Valons, *Le monachisme clunisien des origines au 15e siècle*, t. 1, Paris-Ligugé, 1935, p. 316-317)

¹⁵⁵ "*assiduae lectioni et orationi insistens*": nhấn mạnh đến việc chuyên cần đọc và cầu nguyện.

¹⁵⁶ (et J. Hourlier, dans *Revue Mabillon*, t. 50, 1960, p. 13, citant *Chronicon Centulense iv*, 10 et 26, PL 174,1319b,1346a)

¹⁵⁷ (Huấn dụ yêu mến đan viện)

không quên cho thấy việc đọc Kinh Thánh cho phép cưới được sự Khôn Ngoan trong những hôn lễ của lúc rành rồi chuyên cần¹⁵⁸.

Các nhà thần học đan tu sau này cuối cùng thì cũng không có một phương pháp nào khác ngoài phương pháp của Lectio divina. Như Anselme du Bec (1109), tuy là một nhà biện chứng độc đáo cũng khuyên đọc Kinh Thánh (*Ep.* 185), mà trong đó ông đã rút ra được nền tảng các tư tưởng của ông¹⁵⁹. Rupert de Deutz (1135) gửi bản Chú giải của ông về thánh Gio-an cho Cunon, là kết quả của việc ông suy niệm: theo cách nói của thánh Augustinô, ông dám nói "*nhâm nhi lời Chúa*"¹⁶⁰. Serlon de Savigny (1158), trong tác phẩm "Bài giảng", cho thấy trong Lectio divina linh hồn gắn bó với Chúa Ki-tô như xưa Gio-na-than với Đa-vít như thế nào. Tuy nhiên một Lectio như thế sẽ là một toàn bộ thao tác trong đó việc làm khởi đi từ chú ý đến thân xác và lòng nhiệt thành cầu nguyện sẽ dẫn đưa linh hồn tới chiêm niệm, sau khi việc đọc đã nâng nhắc linh hồn lên cao¹⁶¹. Quả thực, Pierre de Celle (1183) nói rõ là việc đọc mà tâm hồn được no thỏa và dẫn tới chiêm niệm, đó chính là việc đọc kèm theo suy niệm: «*ex divina lectione et meditatione caelestium contemplatio*»¹⁶².

¹⁵⁸ (et G. Morin, *Un traité inédit de S. Guillaume Firmat sur l'amour du cloître et des saintes lectures, dans Revue bénédictine, t. 31, 1914-1919, p. 244-249; éd. par J. Leclercq, dans Studia anselmiana, t. 31, 1953, p. 28-44*)

¹⁵⁹ (et F. Vandenbroucke, *La «lectio divina - du 11e au 14e siècle...», p. 276; et p. 278, cũng có cùng thái độ này nơi Frowin d'Engelberg - 1178*)

¹⁶⁰ (*CCM 9, p. 1; cf Ep. ad Thietmarum, CCM 25, p. 3*)

¹⁶¹ (*éd. A. Wilmart, dans Revue Mabillon, t. 12, 1922, p. 26-38*)

¹⁶² (chiêm niệm từ việc đọc Sách Thánh và suy niệm những sự trên trời) (*cf J. Leclercq, La spiritualité de Pierre de Celle, Paris, 1946, p. 99-107*)

Từ một số nhân vật trên đây, có lẽ người ta sẽ quý trọng hơn vị trí mà Lectio divina có trong linh đạo đan tu thời tiền trung cổ. Điều này cũng chứng tá cho những tác phẩm mà các đan sĩ thích trước tác¹⁶³.

2⁰ Xi-tô

Trở về nguồn của khổ chế biên đức, Xi-tô cổ công tìm lại một cuộc sống đơn sơ, một thời khắc biểu quân bình trong đó Lectio divina chia sẻ ngày sống với một kinh thần vụ không quá nặng nề như tại Cluny và công việc lao động có tầm quan trọng hơn.

Thủ bản cổ xưa nhất mà Ecclesiastica Officia xi-tô biết đến¹⁶⁴ diễn tả cách thể các đan sĩ chuyên chăm đọc: ở ngay cửa phòng hội, các đan sĩ ngồi đọc, mỗi người một sách riêng, người ta không hỏi han người bên cạnh, trừ những gì liên quan đến việc chuẩn bị các bài đọc hoặc bài hát trong phụng vụ¹⁶⁵. Thánh Bênadô de Clairvaux (+ 1153) đã sống trong khung cảnh như thế.

Theo Guillaume de Saint-Thierry, được huấn luyện Lectio divina theo truyền thống, Bênadô "đã không ngừng chuyên cần cầu nguyện, đọc hay suy niệm"¹⁶⁶. Thực vậy, giáo huấn của ngài luôn đậm nét huấn luyện này: "Ngài là người của Kinh Thánh..., ngài hòa mình vào việc học và chiêm niệm"¹⁶⁷. Tuy vậy người ta cũng phải nhắc tới bầu khí ca tụng trong phụng vụ mà nhiều bản

¹⁶³ (et DS, art. FLORILÈGES; J. Leclercq, *L'amour des lettres*, p. 176) et, d'une manière plus générale, *l'amour qu'ils éprouvent pour les livres* (et Ph. Schmitz, *Histoire de l'ordre...*, t. 2, p. 70-71)

¹⁶⁴ (c. 71)

¹⁶⁵ (B. Griesser, *Die «Ecclesiastica officia cisterciensis ordinis» des coi. 1711 von Trient*, ASOC, t. 12, 1956, p. 153-288)

¹⁶⁶ (*Vita Sernardi* 4, 24, PL 185, 241a)

¹⁶⁷ (J.-M. Besse, *Les mystiques bénédictins*, Paris, 1922, p. 163)

vẫn còn ghi lại: *"Tôi khoan khoái tâm nhi những sự này, tất cả con người tôi tràn ngập niềm vui, tất cả trong tôi được bồi bổ, từ thân xác tôi nảy sinh lời chúc tụng. Tất cả điều đó Chúa ban cho toàn thể Giáo Hội và mỗi người chúng ta cảm nhận được điều đó nơi mình. Chúa ban cho linh hồn ta ánh sáng của trí hiểu, cho miệng ta những lời xây dựng và cho đôi tay ta những việc làm công chính"*¹⁶⁸.

Phải chuyên chăm đọc sách được ấn định vào giờ cố định: một việc đọc tình cờ, mở hết trang này sang trang khác, không chuyên cần, sẽ mau quên lãng và chẳng đưa tới đâu. Cũng cần phải gắn bó với một số đoạn nào đó, làm cho tâm hồn quen với đoạn văn, bởi vì giữa việc học và việc đọc cũng có cùng khác biệt như giữa tình bạn và sự hiểu khách. Và hơn nữa phải ghi vào trí nhớ một câu nào đó trong sách mà ta đọc hằng ngày để tâm trí thường xuyên tâm nhi nó và như thế sẽ dễ tiêu hóa nó hơn. Cuối cùng trong khi đọc cũng phải múc lấy được những tình cảm (affectus), để dùng cho việc cầu nguyện (formanda oratio). Người ta biết lá Thư vàng này đã ảnh hưởng như thế nào trên linh đạo thời trung cổ: *"Các trường phái của Groenendael và của Windesheim cũng không thoát được ảnh hưởng này"*¹⁶⁹.

Arnould de Bohéries¹⁷⁰. Sách "Gương các đan sĩ" của ông , là một sách hướng dẫn về ngày đan tu, có nói về Lectio: *"Sau khi đọc là cầu nguyện; và đọc không nhắm tới khoa học, cho bằng nhắm tới sự thú vị. Kinh Thánh không khác gì giếng nước Gia-cóp*

¹⁶⁸ (*Super cantica* 16, 2)

¹⁶⁹ (*U. Berlière, L'ascèse bénédictine...*, p. 94; et *J.-M. Déchanet, Aux sources de la spiritualité de Guillaume de Saint-Thierry, Bruges, 1940, p. 60-79; M.-M. Davy, Théologie et mystique de Guillaume de Saint-Thierry, t. 1 La connaissance de Dieu, Paris, 1954, p. 303*)

¹⁷⁰ (*cf DS, t. 1, col. 894*)

đến đó kín mức nước bằng lời cầu nguyện. Không nhất thiết phải đi vào nhà nguyện nhưng hãy chiêm niệm và cầu nguyện ngay trong việc đọc¹⁷¹. Đoạn văn tìm thấy trong một tập sách nhỏ vô danh vào thế kỷ 13, dành cho các tập sinh, "*Việc đọc tốt đẹp và mưu ích cho các đan sĩ là chiến sĩ của Chúa Ki-tô*"¹⁷². Kiểu nói "*non tam scientiam quam saporem*" (không nhắm tới khoa học, cho bằng nhắm tới sự thú vị) sẽ có một thành công lớn; ý tưởng, nếu không phải là cả ngôn từ, đã thấy ở nơi thánh Jérôme: "*đọc không phải là để lao tác nhưng là để đạt tới sự thỏa thích và huấn luyện tâm hồn*"¹⁷³.

Với việc ca hát thánh vịnh, cầu nguyện, bốn phận hàng ngày và thỉnh lặng, *Lectio divina* đối với Guerric d'Igny (+1157) là một trong những thao tác đặc thù để đạt được sự khôn ngoan¹⁷⁴. Đọc, suy niệm luật của Chúa ngày cũng như đêm, các đan sĩ dạo chơi trong những vườn cảnh như trong các sách mà các ngài đọc¹⁷⁵.

Nhưng các đan sĩ không phải là những người duy nhất chuyên chăm đọc sách: các ẩn sĩ, các cư sĩ nam cũng như nữ cũng làm thế. Trong ý nghĩa này Aelred de Rievaulx (+1167) cho em gái mình là cư sĩ những lời khuyên quý báu về đọc sách mà ngài xếp, như Isaac de l'Étoile (+1178) với *meditatio-suy niệm* và *oratio-cầu nguyện* vào số *exercitia spiritalia* (các thao tác thiêng liêng) ngược lại với các *exercitia corporalia* (thao tác thể xác) là

¹⁷¹ (PL 184, 1175b)

¹⁷² (cf J. Leclercq, *Écrits monastiques sur la Bible, dans Mediaeval Studies, t. 15, 1953, p. 104*)

¹⁷³ (Ep. 130,15)

¹⁷⁴ (Sermon sur S. Benoît i, 5, SC 202, 1973, p. 48)

¹⁷⁵ (Sermon «*quae habitas*» 2, *ibidem*, p. 518-520)

chạy tịnh, canh thức và lao động¹⁷⁶. Vị nữ cư sĩ đọc Kinh Thánh, nhưng cũng đọc hạnh tích các Giáo Phụ, Tu Luật của các ngài và các phép lạ của các ngài. Chị chen đan việc đọc sách với ca hát thánh vịnh và cầu nguyện, tùy theo lòng nhiệt thành của chị, để tái tạo tinh thần cho mình và để chạy trốn sự lười biếng. Nếu trường hợp chị không thể đọc thì chị phải chuyên cần làm việc tay chân.

Aelred luôn trung thành với sự xếp đặt theo Tu Luật của thánh Biển Đức, cũng như tinh thần của thánh nhân khi ngài ghi chú rằng Lectio làm phát sinh trong tâm hồn một tình cảm ăn năn thống hối, một sự sốt sắng thiêng liêng¹⁷⁷ việc đọc cũng là cách thể đánh thức Chúa Ki-tô đang ngủ, khi những cảm dỗ tấn công chúng ta¹⁷⁸.

3^o Các Kinh Sĩ và các đan sĩ Chartreux

Lectio divina cũng chiếm một chỗ quan trọng trong linh đạo các kinh sĩ không khác gì linh đạo các đan sĩ. *"Linh đạo kinh sĩ thế kỷ 12, chính là Kinh Thánh. Chính nơi Kinh Thánh mà việc thực hành Lectio divina gắn kết với và việc học thần học được coi như một việc làm chú giải"*¹⁷⁹.

Sự canh tân của Xi-tô đã có một ảnh hưởng, đôi khi rất sâu đậm, trên nhiều cộng đồng kinh sĩ. Về vấn đề Lectio divina, người ta nhận thấy rằng những quy lệ của Oigny, Arrouaise và Prémontré đều theo Ecclesiastica officia của Xi-tô. Cũng như tại Xi-tô, luật của kinh sĩ dành ra mỗi giờ một số "thời gian ấn định"

¹⁷⁶ (cf Aelred de Rievaulx, *La vie de recluse...*, 9 et 11, SC 76, 1961, p. 17, 66-68, 74)

¹⁷⁷ (cf RB 19, 20, 52). Đối với Isaac, (xem Sermon 14, 7-8, SC 130, 1967, p. 274-276)

¹⁷⁸ (Sermon 15,12, p. 290)

¹⁷⁹ (J. Gerits, *Un poème anonyme sur la s lectio divina...*, dans *Analecta praemonstra-tensia*, t. 43, 1967, p. 141-146)

cho Lectio divina¹⁸⁰ đã nhấn mạnh đến sự quan trọng của Lectio divina: chuyên chăm đọc sẽ giúp cho trí nhớ và giúp khám phá ra sự tốt lành của Chúa¹⁸¹. Tuy nhiên để cho Lectio có kết quả, còn cần phải có Meditatio đồng hành và tiếp theo¹⁸². Oratio đi cùng với Lectio và Meditatio và nơi chốn thực hiện ba thao tác này vẫn luôn là trong đan viện¹⁸³. Hugues de Saint-Victor (+1141) đã hệ thống hóa tiến trình: Lectio, meditatio, oratio, operatio, contemplatio¹⁸⁴.

Guigues II le Chartreux (+1188), trong tác phẩm *Scala claustralium* (*Thang đan sĩ, hay còn được gọi Thang thiên đàng*), chỉ giữ lại Lectio, Meditatio, Oratio, Contemplatio. "*Chú tâm (ch. 2) học hỏi Kinh Thánh, Lectio tìm kiếm cuộc sống vĩnh phúc, Meditatio gặp được cuộc sống này, Oratio xin cho được cuộc sống này, Contemplatio nếm hưởng cuộc sống vĩnh phúc này*" (ch.3). Trong khi đọc, tâm hồn tiếp tục nhai và nghiền ngẫm ý nghĩa đã hiểu được, và Lectio cũng như Meditatio nối kết chặt chẽ với nhau: "*Đọc mà không có suy niệm thì khô cần và suy niệm mà không có đọc thì làm môi cho lâm lạc*" (ch. 4)¹⁸⁵.

¹⁸⁰ (P. Lefèvre) *A propos de la «lectio divina» dans la vie monastique et canoniale*, RUE, t. 67, 1972, p. 800-809). De (ait, Philippe de Harvengt (+ 1183; *De scientia clericorum*, PL 203, 693-708) et Adam de Dryburg (+ 1212; *De ordine, habitu et professionibus canonicorum ordinis praemonstratensis*, PL 198, 443-610)

¹⁸¹ (PL 198, 578a)

¹⁸² (602d)

¹⁸³ (603ab - *Cloître: là đan viện, nhưng cũng rất thường được hiểu là các lối đi thuộc hành lang khuôn viên đan viện, tại đây các đan sĩ hay ngồi đọc sách vào mùa ẩm, hoặc đi bách bộ cầu nguyện.*

¹⁸⁴ (*De meditando seu meditandi artificio*, PL 176, 993-998; et *Six opusculs spirituels*, éd. R. Baron, SC 155, 1969, p. 44-59)

¹⁸⁵ (cf PL 184, 475-478; SC 163, 1970, p. 82-86).

Dẫu sao người ta cũng có thể tự hỏi nếu, vì trở thành quá cố định, quá kỹ thuật, Lectio divina không có nguy cơ làm mất đi phần nào sự tự phát nguyên thủy, là đặc tính hợp với Chúa Thánh Thần sao? Việc thực hành Lectio divina không ngừng lại trong các đan viện với một thời kỳ cao điểm của thế kỷ 12. Cho dù có những chông chéo mà các thế hệ sau làm phát sinh giữa Lectio divina và "Đọc sách thiêng liêng", các đan sĩ nam cũng như nữ luôn bảo giữ cách sâu xa ý nghĩa và mền chuộng một cách thể đọc như thể (Lectio divina). Chắc hẳn phụng vụ luôn giữ nơi các đan sĩ bầu khí ngợi ca và tôn thờ để làm cho ta hiểu được việc đọc đáng khâm phục này trong một cuộc sống tất cả được hướng về cầu nguyện. Và cũng chắc hẳn sách đọc của Lectio divina cũng đủ làm cho nó có giá trị: Kinh Thánh và các Giáo Phụ luôn là các sách ưu tiên.

Ví dụ vào năm 1520, Paul Giustiani cô vũ cuộc canh tân dòng Camaldule, đã nhắc đến tầm quan trọng của việc chuyên cần đọc Kinh Thánh: *"Tất cả những ai biết đọc, mỗi ngày nên đọc một bài sách Kinh Thánh... Tuy nhiên đọc mà không suy niệm điều mình đã đọc và đem ra thực hành thì cũng bằng không..."*¹⁸⁶.

Vào thế kỷ 17, các sách Chú Giải Tu Luật (của Mège Rancé, Martène, Calmet, v.v...) cho thấy việc thực hành Lectio divina luôn sống động. Nhưng cuộc cải cách của Saint-Vanne, Saint-Maur, Beautort, Rancé hoặc của các viện mẫu vào thời gian đó cũng không lạ lẫm gì với Lectio divina, cho dù đã có sự khác biệt về tinh thần mà cuộc tranh luận về việc học đan tu của Mabillon đã làm nổi bật, Lectio divina bị đưa ra bàn cãi mãnh liệt.

¹⁸⁶ (*Régala delta cita eremitica, Florence, 1525, f. 83, cité par J. Leclercq, La vie érémitique d'après... Paul Giustiniani, Paris, 1955, p. 103*)

Chương sách của A. Baker (+1641) viết về việc đọc Sách Thánh¹⁸⁷ bàn về "đọc sách thiêng liêng" hơn là về Lectio divina. Ngày nay, Lectio divina vẫn còn là một nét nổi bật của cuộc sống đan tu: "*Đó là toàn bộ được tổ chức để dẫn dắt dần dần những kiến thức nhờ đó chúng ta làm quen với những sự thuộc về Chúa và chúng ta quen nhìn điều vô hình*"¹⁸⁸. Theo định nghĩa này, các viện phụ Biển-đức năm 1967 đã đáp ứng cuộc canh tân sau Công Đồng. "*Các ngài nhấn mạnh đến sự cần thiết của một chương trình huấn luyện xứng tầm và những điều kiện cụ thể giúp cho Lectio divina được thực hành thường xuyên như là việc đọc Kinh Thánh trong tư thái cầu nguyện, an bình, chuyên cần, sống trong đức tin và tình yêu*". Được thế, Lectio divina sẽ mạnh mẽ giúp đan sĩ luôn trở thành một "người của Chúa" hơn nữa...¹⁸⁹.

Jacques ROUSSE

Article du Dictionnaire de Spiritualité, IX pp. 470-510

Partie I. LECTIO DIVINA

(Fr. Bảo Tịnh O.Cist chuyển dịch

16.4.2011)

¹⁸⁷ (tr. r. t. 1, Paris, 1953)

¹⁸⁸ (P. Delatte, *Commentaire sur la Règle de S. Benoît, Paris, 1913, p. 348*)

¹⁸⁹ (*La vie bénédictine, propositions approuvées.., dans Lettre de Ligugé, a. 128, 1968, p. 12; cf Vatican il, Perfectae caritatis, n. 6; Dei Verbum, n. 25. Voir le Chapitre général de l'ordre des cisterciens de la stricte observance, 1969, "Norme" n. 3: "Trong thời khắc biểu người ta cần giữ thể quân bình mà Tu Luật của thánh Biển Đức thiết định giữa thần vụ, Lectio divina và việc lao động"*)